

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM

DƯƠNG PHƯƠNG HẠNH*

Ngày nhận bài: 13/05/2016; ngày trình duyệt: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 16/05/2016.

Abstract: The paper mentions relevant policies to develop human resources for inclusive education and presents situation of training skilled human resources for inclusive education in Vietnam with specific Reference data surveyed by Center for Research and Education of the Deaf and Hard of Hearing (CED). The article also suggests several measures to develop human resources for inclusive education in both quantity and quality.

Keywords: Children with hearing loss, development, human resources, inclusive education, special education.

Theo trang “*Thông tin hỗ trợ người khuyết tật*” thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (BLĐTBXH), Việt Nam có khoảng 1,3 triệu trẻ em khuyết tật (TKT) trong độ tuổi 5-18. Theo tổng điều tra dân số 2009 “cả nước chỉ 66,5% TKT độ tuổi 6-10 được đi học tiểu học, trong khi tỉ lệ trẻ em trong toàn quốc là 97,0%” [1]. Tuy nhiên, trên thực tế, nguồn nhân lực (NNL) giáo viên (GV) ngành giáo dục đặc biệt (GDĐB) được đào tạo để hiểu biết về đặc điểm phát triển tâm, sinh lí trẻ em nói chung, trẻ có nhu cầu GDĐB nói riêng; nắm vững nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức chăm sóc và giáo dục (GD) trẻ có nhu cầu đặc biệt theo mục tiêu của GDĐB ở nước ta còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tiễn. Đó là lí do TKT bị từ chối cơ hội học tập ở rất nhiều trường tại Việt Nam.

1. Thực trạng phát triển NNL giáo dục hòa nhập (GDHN) TKT tại Việt Nam

1.1. Chính sách về NNL GDHN. Việt Nam đã kí tham gia Công ước Quốc tế vào ngày 22/10/2007 và đã được Quốc hội phê chuẩn vào ngày 28/11/2014. **Luật người khuyết tật** số 51/2010/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật” của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/04/2012, Chương IV, Điều 29, Mục 1 ghi rõ “*Nhà giáo, cán bộ quản lí GD tham gia GD người khuyết tật, nhân viên hỗ trợ GD người khuyết tật được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật về chuyên môn, nghiệp vụ và kĩ năng đáp ứng nhu cầu GD người khuyết tật*”. Chương IV, Điều 31, Mục 1 có ghi rõ “*Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN là cơ sở cung cấp nội dung chương trình, thiết bị, tài liệu dạy và học, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ GD, tổ chức GD phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của người*

khuyết tật”. Nhà nước cũng ban hành Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH Quy định điều kiện và thủ tục thành lập Trung tâm Hỗ trợ Phát triển GDHN Người Khuyết tật (TT HTPPT GDHN) qua khuyến khích lập mới hoặc chuyển đổi các trường chuyên biệt thành TT HTPPT GDHN,... Như vậy, chính sách, văn bản của Nhà nước đã quy định rất rõ và nhấn mạnh việc lựa chọn các phương thức GD phù hợp, có khuyến khích người khuyết tật tham gia học tập theo phương thức GDHN, đồng thời quy định về cơ sở vật chất bao gồm cả NNL hỗ trợ GDHN.

1.2. Về đào tạo, bồi dưỡng NNL cho GDHN.

GDHN được Bộ GD-ĐT chính thức triển khai từ năm học 2001-2002 và các chương trình đào tạo GV GDĐB hệ cử nhân, cao đẳng từ năm 2000. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tính tới thời điểm hiện nay có thể kể đến:

- Chương trình Thạc sĩ GDĐB chỉ mới được đào tạo ở Trường Đại học sư phạm (ĐHSP) Hà Nội từ năm 2012; nhưng chương trình cử nhân GDĐB của Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn hoặc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang cho tới nay đã có khoảng 3.000 cử nhân [1] được đào tạo. Các tổ chức này cũng thường hợp tác với các trường đại học nước ngoài mở các khóa bồi dưỡng tập huấn ngắn hạn cho khoảng vài chục ngàn GV (những người đang trực tiếp làm việc tại các nhà trường về GDHN) [2].

- Chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho GV GDĐB do các đơn vị, tổ chức thực hiện như các tổ chức Phi chính phủ Quốc tế. Ví dụ Quỹ toàn cầu cho trẻ khuyết tật (Global Foundation for Children

* Trung tâm Nghiên cứu giáo dục Người khuyết tật

with Hearing Loss) với dự án 5 năm bồi dưỡng kỹ năng dạy can thiệp sớm cho GV dạy trẻ khiếm thính các trường chuyên biệt ở phía Nam; Trường Đại học St. John's kết hợp với Khoa Tâm lý - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh mở khóa bồi dưỡng về Trắc nghiệm Baley cho GV GDĐB dạy trẻ tự kỉ, chuyên viên tâm lý, nhân viên công tác xã hội có nhu cầu; Trường Hogeschool Utrecht, Hà Lan mở lớp đào tạo kỹ năng giao tiếp với trẻ khiếm thính - khiếm thị (Deafblind) cho GV các trường khiếm thị tại TP. Hồ Chí Minh; Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch kết hợp với Trinh Foundation mở khóa đào tạo âm ngữ trị liệu (Speech Therapy) cho các bác sĩ, điều dưỡng cả nước để dạy trẻ có vấn đề về ngôn ngữ...; Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDĐB của Trường ĐHQG Hà Nội: GDHN TKT, GDHN trẻ rối loạn phổ tự kỉ, GDĐB; Chương trình dự án nâng cao nhận thức và chuẩn bị cho GDHN của Quỹ Cầu vồng Châu Á - đào tạo cho chuyên viên, lãnh đạo, GV cốt cán về GDHN cho TKT tại Đồng Nai và Lâm Đồng.

Ngoài các chương trình chính quy, bồi dưỡng ngắn hạn, còn có những chương trình đào tạo dưới hình thức hỗ trợ khách hàng. Ví dụ, ở lĩnh vực khiếm thính, các công ti bán máy trợ thính như Phonak, Quang Đức, Cát Tường, Stela, GN ReSound... mời chuyên gia nước ngoài tập huấn về can thiệp sớm, thính học cho GV các trường chuyên biệt và phụ huynh, không thấy hoặc rất hiếm chương trình có GV GDHN tham gia. Công ty Med-El, Cochlear chuyên cung cấp ốc tai điện tử thì chỉ tổ chức cho GV các trường chuyên biệt, không có phụ huynh.

Theo Nguyễn Xuân Hải [2], tính đến năm 2015, Việt Nam cần có khoảng hơn một triệu GV GDĐB được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng nhu cầu học hòa nhập của TKT chỉ tính riêng cho ba cấp học là mầm non, tiểu học và THCS. Về chất lượng NNL được đào tạo có đáp ứng yêu cầu giảng dạy, phục hồi được chức năng cho trẻ tham gia chương trình can thiệp sớm vẫn còn đang bỏ ngỏ. Lí do vì trẻ có nhiều hơn một tật, khuyết tật nặng và thiếu dụng cụ/thiết bị hỗ trợ để được can thiệp sớm hay phục hồi chức năng tốt, gia đình thiếu quan tâm hoặc quan tâm không đúng cách, không phối hợp với GV để trẻ có điều kiện phát triển tốt nhất.

1.3. Thực trạng khảo sát về NNL. GDHN hiếm khi được đưa vào các chương trình sư phạm và hầu hết thông tin về GDHN chỉ được thông tin trong khuôn khổ các hội thảo nhỏ và các khóa tập huấn ngắn hạn. Do không đánh giá đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của TKT nên nhiều địa phương không quan

tâm thỏa đáng đến việc đào tạo đội ngũ GV GDĐB. Thiếu kiến thức về GDHN cũng có nghĩa rằng các trường học ngại ngần không muốn nhận TKT. Thực trạng trên đòi hỏi cấp thiết phải xây dựng năng lực nhằm thực hiện GDHN ở mọi cấp, mọi địa phương.

Một khảo sát của Trung tâm nghiên cứu GD Người khiếm thính (CED) năm 2012 về “*Khó khăn và nhu cầu của học sinh khiếm thính học hòa nhập*” đã lấy ý kiến 82 GV dạy trẻ khiếm thính một số trường hòa nhập nội và ngoại thành TP. Hồ Chí Minh qua bảng hỏi [3]. Kết quả cho thấy: có 24,2 % GV gặp khó khăn trong giao tiếp với học sinh khiếm thính; 21,2% GV không hiểu tâm lý học sinh khiếm thính; 24,2% GV thiếu kinh nghiệm dạy trẻ; 6,1 % thiếu sự cộng tác của gia đình. Mặt khác, GV vẫn đang lúng túng với dạy học hòa nhập TKT, việc phối hợp với gia đình vẫn hạn chế và cần được đào tạo kỹ năng.

Một khảo sát ngắn khác của CED tiến hành phỏng vấn bảng hỏi 150 lãnh đạo, phụ huynh, GV - sinh viên sư phạm các chuyên ngành GDĐB ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Gia Lai... về NNL GDHN TKT ở Việt Nam cho thấy (xem *bảng 1 và 2*) [4]:

Bảng 1. Kết quả trả lời khảo sát về NNL GDHN của lãnh đạo trường hòa nhập (15 phiếu)

Câu hỏi	Có		Không		Khác	
	SL	%	SL	%	SL	%
Có sẵn sàng nhận TKT học hòa nhập	10	66,67	1	6,66	4*	26,67
Có sẵn nguồn lực dạy TKT học hòa nhập	10	66,67	15	33,33	0	0
Mong muốn nâng cao kỹ năng GDĐB cho GV hoặc tuyển dụng GV GDĐB	15	100	0	0	0	0
GV GDHN phải tốt nghiệp GDĐB (Có/Không, bồi dưỡng GV đang công tác)	15	100	0	0	0	0
Phương án “Sinh viên khoa sư phạm học một số tín chỉ về GD TKT và được đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để dạy TKT” có khả thi không?	15	100	0	0	0	0
Nơi nào cung cấp các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu (Biết/Không biết)	3	20	12	80	0	0

Đối với câu hỏi “Làm thế nào phát triển NNL GDHN?” câu trả lời có thể khái quát như sau:

- *Đối với Sở, Phòng GD:* Phải quan tâm, đôn đốc, hỗ trợ GDHN qua chỉ đạo tổ chức các chương trình tập huấn GDĐB, GDHN; thu hút NNL bằng các chính sách đãi ngộ, lương bổng phù hợp; mở thêm nhiều diễn đàn, hợp tác với ngành y, các trường hòa nhập để phát triển NNL liên ngành.

Bảng 2. Kết quả trả lời khảo sát về NNL GDHN của GV, sinh viên, phụ huynh (135 phiếu)

Câu hỏi	GV GDHN 50		GV GDĐB 15		Phụ huynh 45		Sinh viên GDĐB 10		Sinh viên Sư phạm 15	
	Có	%	Có	%	Có	%	Có	%	Có	%
Có sẵn sàng dạy TKT học hòa nhập?	16	32	15	100	0	0	10	100	13	86,67
Mong muốn được bồi dưỡng kĩ năng dạy TKT?	50	100	15	100	0	0	10	100	15	100
GV GDHN: Phải tốt nghiệp GDĐB/Tốt nghiệp sư phạm + bồi dưỡng kĩ năng	29	58	12	80	25	5,56	10	100	8	53,33
Phương án "Sinh viên khoa sư phạm học một số tín chỉ về GD TKT và được đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để dạy TKT" có khả thi không?	37	74	11	73,33	43	95,56	5	50	13	86,67
Nơi nào cung cấp các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu (Biết/Không biết)	35	70	10	66,67	22	48,89	10	100	7	46,67

- **Đối với GV các ngành bao gồm GDĐB:** Đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu về GDĐB cho GV, phát huy tính năng động, sáng tạo trong dạy và chăm sóc TKT; Tổ chức phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm giữa thầy cô có nhiều kinh nghiệm dạy TKT với nhân lực mới; động viên kịp thời những đóng góp ý kiến của GV; tạo điều kiện phát huy khả năng, học hỏi kinh nghiệm qua các phong trào thi đua; có môi trường làm việc thuận lợi, cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp.

- **Đối với trường đại học, cao đẳng sư phạm:** có chương trình học về dạy TKT cho sinh viên sư phạm; đẩy mạnh chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm GDĐB.

- **Đối với cộng đồng:** Truyền thông cho cộng đồng biết về năng lực của TKT, lời cuốn sự tham gia về tinh thần và vật chất của cộng đồng; kêu gọi sự tham gia của phụ huynh, người khiếm thính có trình độ kinh nghiệm.

Một số GV tốt nghiệp GDĐB, từng là hiệu trưởng trường mầm non tư thục dạy can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính, tự kỉ, chậm phát triển, cho rằng: nên chọn sinh viên được đào tạo GDĐB tại ĐHSP dạy TKT tại trung tâm/trường chuyên biệt hoặc hỗ trợ TKT học hòa nhập là phù hợp nhất vì NNL GDHN là rất thiếu. Hiện nay, ngay cả GV tại các trường chuyên biệt vẫn còn thiếu thì GV ở các trường hòa nhập lại càng thiếu nhiều hơn. Hầu hết GV dạy trẻ ở các lớp hòa nhập hiện nay là GV phổ thông bình thường, chưa có nhiều kiến thức về hỗ trợ TKT trong lớp học. Do đó, GDHN hiện tại chưa thực sự đáp ứng nhu cầu về cả số lượng và chất lượng cho TKT. TS. Đặng Huỳnh Mai thì đề nghị "nên có nhiều

phương án đa dạng để phát triển NNL cho GDHN, không cần nhắc với một phương án nào". Cá biệt, một GV tốt nghiệp GDĐB, từng là hiệu trưởng trường mầm non tư thục dạy can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính, tự kỉ, chậm phát triển cho rằng: các sinh viên được đào tạo GDĐB tại ĐHSP dạy TKT tại trung tâm/trường chuyên biệt hoặc hỗ trợ TKT học hòa nhập là phù hợp nhất. Theo Bà "NNL GDHN là rất thiếu; vì hiện nay ngay cả GV tại các trường chuyên biệt mà còn thiếu huống gì GV ở các trường hòa nhập. Hầu hết GV dạy trẻ ở các lớp hòa nhập hiện nay là các GV phổ thông bình thường chưa có nhiều kiến thức về hỗ trợ TKT trong lớp học. Do đó, GDHN hiện tại chưa thực sự đáp ứng nhu cầu về cả số lượng và

chất lượng cho TKT" [3]. Ngược lại, TS. Đỗ Thúy Lan - Giám đốc Trung tâm Sao Mai - cho rằng "lực lượng GV GDĐB dạy TKT học hòa nhập không thiếu, chẳng qua Sở hay Phòng GD chưa đẩy mạnh điều phối, chỉ định nơi công tác cho GV GDĐB khi mới ra trường" [3].

2. Một số giải pháp phát triển NNL cho GDHN ở nước ta

2.1. Cần triển khai nhiều chương trình hỗ trợ GDHN qua nâng cao nhận thức và phát triển kĩ năng về dạy TKT cho lãnh đạo, chuyên viên, GV cốt cán theo hệ thống hàng ngang (gồm các thành phố và các tỉnh thành) theo mô hình như Quy Cầu Vòng Châu Á hoặc chọn những trung tâm nguồn nào hoạt động mạnh về phát triển GDHN tập huấn hay chia sẻ kinh nghiệm theo từng dạng tật. Với giải pháp này, vai trò của Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT cần phát huy tối đa và theo lộ trình phối hợp GD giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội.

2.2. Cần đẩy mạnh số lượng NNL GDHN: Tăng chỉ tiêu tuyển sinh và tăng cường năng lực tự chủ trong tuyển sinh cho các tổ chức GD có chuyên môn về GDĐB; tăng thêm chức năng tuyển sinh ngành GDĐB cho các trường đại học có năng lực phù hợp và có nguyện vọng; khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở ngoài công lập mở trường/ngành GDĐB hoặc nghiệp vụ GDĐB; các trường cần có chiến lược đáp ứng yêu cầu phát triển NNL GDHN; tăng cường chế độ chính sách cho GV dạy TKT học hòa nhập.

2.3. Cần đẩy mạnh chất lượng NNL GDHN: Cập nhật thông tin tiến bộ khoa học kĩ thuật, dịch vụ, công cụ hỗ trợ người khuyết tật trong chương trình đào tạo NNL

GDDB; phát huy vai trò của các TT HTPT GDHN công lập và ngoài công lập, cũng như tăng cường các chương trình tập huấn về khuyết tật, GDHN cho các trường; khuyến khích các nghiên cứu khoa học ứng dụng cho GDTKT.

2.4. Cần đẩy mạnh vai trò của các nhóm: chuyên viên giám sát thực thi Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền của Người khuyết tật; nhóm hỗ trợ, nhóm GV, phụ huynh cốt cán để tăng cường sức mạnh cho nguồn lực GDHN, tăng cường chất lượng cho việc dạy trẻ.

2.5. Cần đẩy mạnh vai trò của báo chí truyền thông tích cực, nhân văn của GDHN, một xã hội hòa nhập cho tất cả là giải pháp tối ưu cho bài toán phúc lợi xã hội cho người khuyết tật được dự tính tăng nhanh theo số TKT hàng năm tại Việt Nam.

Việt Nam đã có trên 25 năm kinh nghiệm triển khai GDHN, điều này có nghĩa là nước ta có một lực lượng GV GDHN có kinh nghiệm, tâm huyết. Không những thế, Đảng và Nhà nước cũng rất quan tâm chỉ đạo GDHN qua các chính sách được ban hành để bảo đảm TKT có được cơ hội học tập công bằng như các trẻ em cùng lứa tuổi. Phụ huynh cũng tự trang bị cho mình thông tin, kiến thức và phối hợp tốt hơn với GV khi cho trẻ học hòa nhập. Nếu lựa chọn được chiến

lược phát triển NNL GDHN phù hợp theo năng lực trường, địa phương, điều kiện kinh tế và biết thực hiện thắng lợi chiến lược này, bài toán phát triển NNL cho GDHN không khó để tìm lời giải. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Minh Hằng (2013). *Giáo dục hòa nhập - Cảnh của rộng mở cho trẻ em khuyết tật tại Việt Nam*, Trường Swarthmore College.
- [2] Nguyễn Xuân Hải (2015). *Phát triển nguồn nhân lực đặc biệt ở Việt Nam theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp*. Kỷ yếu hội thảo Hai mươi năm giáo dục khuyết tật Việt Nam.
- [3] Dương Phương Hạnh (2012). *Báo cáo khảo sát tìm hiểu khó khăn và nhu cầu của học sinh khiếm thính học chuyên biệt và hòa nhập nội ngoại TP. Hồ Chí Minh*.
- [4] Dương Phương Hạnh (2016). *Khảo sát nguồn nhân lực với các kỹ năng cần thiết cho giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*.
- [5] Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật.
- [6] **Luật Người khuyết tật**, số 51/2010/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010.
- [7] Chính phủ (2012) Nghị định số 28/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.
- [8] Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT. *Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật* ngày 22/05/2006.

Nhu cầu về nhân lực cho giáo dục...

(Tiếp theo trang 21)

chăm sóc y tế. GV hỗ trợ HS hòa nhập cần thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính là liên kết với GV đứng lớp tiến hành giảng dạy trực tiếp trong lớp hòa nhập và trong các tiết hỗ trợ cá nhân.

Theo kinh nghiệm tiến hành GDHN tại các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, sự tồn tại và phối hợp giữa đội ngũ GV hỗ trợ HS hòa nhập và nhân viên hỗ trợ GDHN là hết sức cần thiết [7]. Tuy nhiên, việc không xác định rõ ràng nhiệm vụ, chức năng của các nguồn nhân lực này khiến cả GV và nhân viên đều rơi vào trạng thái căng thẳng, mệt mỏi, giảm hiệu quả phối hợp thực hiện GDHN [6]. Trong tương lai, khi triển khai vị trí nhân viên hỗ trợ GDHN, những kết quả nghiên cứu này có thể giúp xác định rõ ràng vai trò, nhiệm vụ của GV hỗ trợ và nhân viên hỗ trợ, góp phần nâng cao hiệu quả GDHN.

Tới đây, việc nghiên cứu sâu để xác định sự khác biệt trong nhu cầu của các trường dựa trên các yếu tố

vùng miền, kinh nghiệm thực hiện GDHN cũng cần được tiến hành một cách nghiêm túc. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2015). *Tổng kết 20 năm thực hiện nghiên cứu giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia 20 năm Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật Việt Nam, tr 4-9.
- [2] Ủy ban các vấn đề xã hội - Quốc hội khóa XIII (2015). *Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật*.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*.
- [4] Tran, V. Kham (2014). *Exploring the Experience of Children with Disabilities at School Settings in Vietnam Context*. Springer Plus, 3:103.
- [5] USAID (2005). *Vietnam Disability Situation Assessment and Program Review*. Washington, USA.
- [6] Tani Keiro (2014). *Nhu cầu chất lượng nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập - phân tích mối liên hệ giữa các thành viên trong nhóm hỗ trợ - Proceeding of The 58th Annual Congress of Japanese Association of Education Psychology*. 304 (tiếng Nhật).
- [7] Miyaki Hideo (2015). *Needs of Special Needs Education Coordinators at Regular School*. Bullatin of Yamaguchi Gakugei University, 6, pp. 67-75.